Người ký: Sở Nội vụ
Email: vanphong@noivu.daklak.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Đắk Lắk
Thời gian ký: 20.05.2019 14:14:02 +07:00

UBND TỈNH ĐẮK LẮK
SỞ NỘI VỤ

Số: 730 /SNV-TCBC

V/v báo cáo, lập kế hoạch biên chế công chức, năm 2019

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đắk Lắk, ngày 20 tháng 5 năm 2019

Kính gửi:
- Các Sở, ban, ngành của tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

Căn cứ Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08/3/2010 của Chính phủ về quản lý biên chế công chức; Thông tư số 07/2010/TT-BNV ngày 26/7/2010 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện một số điều quy định tại Nghị định số 21/2010/NĐ-CP của Chính phủ;

Để có cơ sở tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh về quản lý biên chế công chức, bao gồm: lập kế hoạch biên chế công chức năm 2020; báo cáo kết quả sử dụng biên chế công chức được giao của năm 2019; chế độ thống kê và báo cáo về tình hình thực hiện quản lý biên chế công chức;

Sở Nội vụ đề nghị Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố phối hợp triển khai một số nội dung sau:

1. Các đơn vị, địa phương xây dựng báo cáo kết quả sử dụng biên chế công chức năm 2018, quý 2/2019 và xây dựng kế hoạch biên chế năm 2020 theo biểu mẫu số 1B, 2B, 3B, 4B (quy định cụ thể tại Thông tư 07/2010/TT-BNV của Bộ Nội vụ).

2. Thời gian báo cáo

Văn bản báo cáo gửi về Sở Nội vụ trước ngày **30/5/2019** và gửi kèm theo bản điện tử và các Phụ lục về Sở Nội vụ qua hộp thư điện tử: **phongtcbmdt@noivu.daklak.gov.vn.**

(Phụ lục 1B, 2B, 3B, 4B các đơn vị download tại địa chỉ Trang tin điện tử Sở Nội vụ tỉnh).

Sở Nội vụ đề nghị Thủ trưởng các cơ quan, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố quan tâm, chỉ đạo và báo cáo đúng thời gian quy định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Giám đốc, PGĐ (đ/c Phước);
- Lưu: VT, TCBC (u).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Phạm Văn Phước

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐĂK LĂK
ĐƠN VỊ.....

SỞ NỘI VỤ TỈNH ĐẮK LẮK

BIỂU SỐ 1B

KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC HÀNG NĂM TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH

(Kèm theo Công văn số: 730./SNV-TCBC, ngày 20 /5 /2019 của Sở Nội vụ)

Số TT	Tên đơn vị	Tên cơ quan quyết định thành lập	Biên chế được giao 2019 theo QĐ của ubnd tỉnh				Biên chế có mặt đến 15/5/2019 (đã tuyển dụng)				Kế hoạch biên chế năm 2020				Tăng giảm giữa kế hoạch BC năm 2020 so với BC được giao năm 2019			
			Tổng số	Biên chế công chức theo chức vụ lãnh đạo	Biên chế công chức theo chức danh chuyên môn	Hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/ NĐ-CP	Tổng số	Biên chế công chức theo chức vụ lãnh đạo	Biên chế công chức theo chức danh chuyên môn	Hợp đồng theo Nghị định số 68/2000 /NĐ-CP	Tổng số	Biên chế công chức theo chức vụ lãnh đạo	Biên chế công chức theo chức danh chuyên môn	Hợp đồng theo Nghị định số 68	Tổng số	Biên chế công chức theo chức vụ lãnh đạo	Biên chế công chức theo chức danh chuyên môn	Hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/ NĐ-CP
	1	*2*	*3 =4+5+6*	*4*	*5*	*6*	*7=8+9 +10*	*8*	*9*	*10*	*11=12+ 13+14*	*12*	*13*	*14*	*15=16+1 7+18*	*16*	*17*	*18*
	Tổng cộng (A+B)																	
A	**CẤP TỈNH**																	
I	**Lãnh đạo tỉnh**																	
	TT HĐND tỉnh																	
	TT UBND tỉnh																	
II	**HĐND tỉnh**																	
1	Lãnh đạo VP HĐND																	
2	Lãnh đạo các ban của HĐND																	
3	Phòng Công tác HĐND																	
III	**Văn phòng UBND tỉnh**																	
1	Lãnh đạo VPUBND tỉnh																	
2	Phòng Tổng hợp																	
IV	**Sở A và tương đương**																	
B	**CẤP HUYỆN**																	
1	**HUYỆN A**																	
1	Lãnh đạo HĐND (Chủ tịch, PCT và lãnh đạo chuyên trách các Ban thuộc HĐND)																	
2	Lãnh UBND huyện																	
2	Văn phòng HĐND và UBND																	
...	Phòng.....																	

NGƯỜI LẬP BIỂU

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐĂK LĂK
ĐƠN VỊ……..

SỞ NỘI VỤ

BIỂU SỐ 3B
THỐNG KÊ, TỔNG HỢP SỐ LIỆU BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC HIỆN CÓ TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH

(Kèm theo Công văn số: 730 /SNV-TCBC, ngày 20 / 5 /2019 của Sở Nội vụ)

Số TT	Tên đơn vị	Tên cơ quan quyết định thành lập	Biên chế được giao 2019 theo QĐ của ubnd tỉnh				Biên chế có mặt đến 31/12/2018 (đã tuyển dụng)				Biên chế chưa thực hiện năm 2018			
			Tổng số	Biên chế công chức theo chức vụ lãnh đạo	Biên chế công chức theo chức danh chuyên môn	Hợp đồng theo NĐ 68/2000/NĐ-CP	Tổng số	Biên chế công chức theo chức vụ lãnh đạo	Biên chế công chức theo chức danh chuyên môn	Hợp đồng theo NĐ 68/2000/NĐ-CP	Tổng số	Biên chế công chức theo chức vụ lãnh đạo	Biên chế công chức theo chức danh chuyên môn	Hợp đồng theo NĐ 68/2000/NĐ-CP
	1	*2*	*3=4+5+6+7*	*4*	*5*	*6*	*7=8+9+10*	*8*	*9*	*10*	*11=12+13+14*	*12*	*13*	*14*
	Tổng cộng													
A	**CẤP TỈNH**													
I	**Lãnh đạo tỉnh**													
	TT HĐND tỉnh													
	TT UBND tỉnh													
II	**HĐND tỉnh**													
1	Lãnh đạo VP HĐND													
2	Lãnh đạo các ban của HĐND													
3	Phòng Công tác HĐND													
III	**Văn phòng UBND tỉnh**													
1	Lãnh đạo VPUBND tỉnh													
2	Phòng Tổng hợp													
IV	**Sở A và tương đương**													
1	**Khối Văn phòng Sở**													
	Lãnh đạo Sở													
	Văn phòng													
	Thanh tra													
	Phòng 1													

Số TT	Tên đơn vị	Tên cơ quan quyết định thành lập	Biên chế được giao 2019 theo QĐ của ubnd tỉnh				Biên chế có mặt đến 31/12/2018 (đã tuyển dụng)				Biên chế chưa thực hiện năm 2018			
			Tổng số	Biên chế công chức theo chức vụ lãnh đạo	Biên chế công chức theo chức danh chuyên môn	Hợp đồng theo NĐ 68/2000/ NĐ-CP	Tổng số	Biên chế công chức theo chức vụ lãnh đạo	Biên chế công chức theo chức danh chuyên môn	Hợp đồng theo NĐ 68/2000/ NĐ-CP	Tổng số	Biên chế công chức theo chức vụ lãnh đạo	Biên chế công chức theo chức danh chuyên môn	Hợp đồng theo NĐ 68/2000/ NĐ-CP
	……..													
….	Phòng n													
2	**Khối Chi cục và tương đương**													
-	Lãnh đạo Chi cục													
-	Phòng 1													
-	Phòng …													
B	**CẤP HUYỆN**													
I	**HUYỆN A**													
1	Lãnh đạo HĐND (Chủ tịch, PCT và lãnh đạo chuyên trách các Ban thuộc HĐND)													
2	Lãnh UBND huyện													
2	Văn phòng HĐND và UBND													
3	Phòng Nội vụ													
	……..													
…..	Phòng…..													

NGƯỜI LẬP BIỂU

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
ĐƠN VỊ.....

SỞ NỘI VỤ

BIỂU SỐ 2B

KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC HÀNG NĂM TRONG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

(Kèm theo Công văn số: 730/SNV-TCBC, ngày 20/5/2019 của Sở Nội vụ)

Số TT	Tên đơn vị	Tên cơ quan quyết định thành lập	Cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp	Kinh phí hoạt động	Biên chế được giao 2019 theo QĐ của ubnd tỉnh				Có mặt đến 15/5/2019				Kế hoạch biên chế năm 2020				Tăng giữa kế hoạch biên chế năm 2020 so với BC được giao năm 2019			
					Tổng số	Biên chế công chức	Biên chế viên chức	Hợp đồng theo NĐ 68	Tổng số	Công chức	Viên chức	Hợp đồng theo NĐ 68	Tổng số	Biên chế công chức	Biên chế viên chức	Hợp đồng theo NĐ 68	Tổng số	Biên chế công chức	Biên chế viên chức	Hợp đồng theo NĐ 68
	1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*
	Tổng cộng																			
I	Giáo dục - Đào tạo																			
1	*Cao đẳng chuyên nghiệp, Cao đẳng nghề*																			
2	*Trung học chuyên nghiệp, Trung học nghề*																			
3	*Trung tâm GDTX, TT Dạy nghề*																			
5	*Cơ sở GD có tên gọi khác*																			
6	*Giáo dục phổ thông*																			
b)	*Trường Trung học cơ sở*																			
7	*Giáo dục Mầm non*																			
II	Y TẾ																			
1	*Tuyến tỉnh*																			
2	*Tuyến huyện*																			
3	*Tuyến xã*																			
III	Văn hóa, Thể thao																			
IV	Các đơn vị SN khác																			

NGƯỜI LẬP BIỂU

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
ĐƠN VỊ.....

BIỂU SỐ 4B
KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC HÀNG NĂM TRONG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP
(Kèm theo Công văn số: 730./SNV-TCBC, ngày 20 /5 /2019 của Sở Nội vụ)

Số TT	Tên đơn vị	Tên cơ quan quyết định thành lập	Cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp	Kinh phí hoạt động	Biên chế được giao năm 2018 (của UBND tỉnh giao)				Có mặt đến 15/5/2019 (chỉ tính số biên chế đã tuyển dụng)				Biên chế chưa thực hiện năm 2019			
					Tổng số	Biên chế công chức	Biên chế viên chức	Hợp đồng theo NĐ 68	Tổng số	Công chức	Viên chức	Hợp đồng theo NĐ 68	Tổng số	Biên chế công chức	Biên chế viên chức	Hợp đồng theo NĐ 68
	1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*17*	*18*	*19*	*20*
	Tổng cộng															
I	Giáo dục - Đào tạo															
1	*Cao đẳng chuyên nghiệp, Cao đẳng nghề*															
2	*Trung học chuyên nghiệp, Trung học nghề*															
3	*Trung tâm GDTX, TT Dạy nghề*															
5	*Cơ sở GD có tên gọi khác*															
6	*Giáo dục phổ thông*															
b)	*Trường Trung học cơ sở*															
7	*Giáo dục Mầm non*															
II	Y TẾ															
1	*Tuyến tỉnh*															
2	*Tuyến huyện*															
3	*Tuyến xã*															
III	Văn hóa, Thể thao															
IV	Các đơn vị SN khác															

NGƯỜI LẬP BIỂU

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ